

Biểu số 3: BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

**CÔNG TY TNHH NN MTV
LÂM NGHIỆP TIỀN PHONG
MSDN 3300100201**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 46...../BC-CTLNTP

Thừa Thiên Huế, ngày 03 tháng 3 năm 2022

I. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

1. Thuận lợi

- Phương án vốn điều lệ công ty giai đoạn 2021 – 2023 được các cấp, ngành thẩm định, là cơ sở cho công ty triển khai thực hiện kế hoạch năm.
- Thị trường cây mâm mô được duy trì và mở rộng.

2. Khó khăn

- Dịch bệnh Covid kéo dài ảnh hưởng đến mọi hoạt động SXKD của công ty.
- Ảnh hưởng nặng nề của các cơn bão, lụt cuối năm 2020, đặc biệt là hệ thống rừng trồng, hạ tầng lâm sinh, vườn ươm,...
- Giá gỗ rừng trồng giảm mạnh do dịch bệnh Covid đã ảnh hưởng đến đầu ra của các đơn vị thu mua.
- Chi phí sản xuất tăng (chi phí vận chuyển, vật tư, vật liệu, phân bón, nhiên liệu, phòng dịch,...).
- Đời sống kinh tế xã hội, người dân khó khăn, ảnh hưởng đến hoạt động của công ty.

BẢNG SỐ 1: MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Các chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2021	Giá trị thực hiện năm 2021
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất			
1.1	Khai thác rừng	Ha	220,0	229,6
	Rừng trồng kinh tế	Ha	220,0	207,5
	Đường lô (quy đổi diện tích)	Ha	-	22,1
1.2	Trồng rừng	Ha	225,0	306,0
1.3	Chăm sóc rừng trồng	Ha	725,0	886,5
1.4	Cây giống lâm nghiệp		8.400.000	9.171.000
	Cây keo lai hom	Cây	3.000.000	2.050.000
	Cây keo lai mô	Cây	1.400.000	885.000
	Cây mâm keo lai mô	Cây	4.000.000	5.971.000
	Cây keo lá tràm mô	Cây		35.000
	Cây mâm keo lá tràm mô	Cây		230.000
1.5	Sản xuất kinh doanh hoa và các loại cây khác, dịch vụ giống,...		210.000	239.900
	Lan các loại	Cây	10.000	17.400



	Cây bản địa, trầm gió, Ba kích	Cây	200.000	217.500
	Cây ăn quả	Cây		5.000
1.6	Quản lý và bảo vệ rừng (bao gồm rừng phòng hộ, đặc dụng)	Ha	4.799,6	4.799,6
2	Doanh thu	Tr.đồng	37.275,0	37.539,2
3	Lợi nhuận trước thuế	Tr.đồng	11.088,0	11.764,4
4	Thuế và các khoản đã nộp NSNN	Tr.đồng	4.412,0	4.624,2
5	Chỉ tiêu sản phẩm, dịch vụ công ích			
	Bảo vệ rừng phòng hộ, đặc dụng	Ha	1.913,9	1.911,1
7	Tổng số lao động (không bao gồm KSV bán chuyên trách)	Người	96	96
8	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	11.802,2	11.459,9
a)	Quỹ lương quản lý	Tr.đồng	1.119,6	1.117,8
b)	Quỹ lương lao động	Tr.đồng	9.682,6	10.272,0

3. Đánh giá chung

- Các chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận đạt và vượt so với kế hoạch; trong đó chỉ tiêu lợi nhuận tăng 6,1% so với kế hoạch, nguyên nhân là có nguồn lợi nhuận từ đền bù rừng do giải phóng mặt bằng trên diện tích rừng công ty quản lý.

- Doanh thu từ hoạt động SXKD cây giống lâm nghiệp giảm, doanh thu SXKD của các loại cây khác, cây hoa tăng so với kế hoạch, nguyên nhân:

+ Công ty điều chỉnh giảm số lượng sản xuất cây thành phẩm (cây mô, cây hom), tăng sản xuất cây mầm nhằm vừa đáp ứng được nhu cầu thị trường vừa giảm rủi ro trong sản xuất ở vườn ươm; tuy nhiên, tổng số lượng cây giống được sản xuất cao hơn so với kế hoạch (9,2 triệu cây so với 8,4 triệu cây kế hoạch).

+ Tăng hoạt động sản xuất các loại cây khác như cây dược liệu Trầm gió, cây ăn quả, cây mầm hoa lan nhằm đáp ứng theo nhu cầu của thị trường, nhờ vậy mà tăng doanh thu của hoạt động này.

- Diện tích khai thác rừng kinh tế tập trung giảm so với kế hoạch (207,3ha/220ha) do có khai thác diện tích rừng giao khoán và khai thác tận thu một số đường lô rừng bị thiệt hại trong các cơn bão cuối năm 2020.

- Diện tích trồng rừng tăng, do

+ Diện tích trồng rừng vụ xuân là diện tích khai thác rừng của cuối năm 2020.

+ Diện tích mở rộng thêm trên các diện tích chưa trồng rừng trước đây, diện tích đất thu hồi, diện tích đường lô.

- Diện tích chăm sóc rừng tăng, do năm 2021 đầu tư chăm sóc thêm một số diện tích rừng bị thiệt hại do bão, sâu bệnh hại.

- Vốn đầu tư cho các hoạt động đầu tư giảm so với kế hoạch, nguyên nhân:

+ Phương án bổ sung vốn điều lệ giai đoạn 2021-2023 chưa được phê duyệt, do đó việc thực hiện các hoạt động đầu tư chưa thể thực hiện đúng kế hoạch, như: đầu tư mở rộng cơ sở sản xuất công nghệ cao; đầu tư trồng vùng nguyên liệu Trầm gió; trồng rừng thâm canh cây bản địa, thông caribaea;...



+ Năm 2021, chưa thực hiện được đánh giá Chứng chỉ rừng chu kỳ 2 do dịch COVID kéo dài (không có chuyên gia nước ngoài), chỉ tiếp tục đánh giá duy trì, nên một số hạ tầng kỹ thuật phục vụ đánh giá Chứng chỉ rừng chưa triển khai.

Tóm lại, trong năm 2021, mặc dù gặp nhiều bất lợi do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19 kéo dài, thời tiết bất lợi, chi phí sản xuất tăng; Công ty đã tổ chức SXKD có hiệu quả và đạt các chỉ tiêu so với kế hoạch đề ra.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN.

1. Đánh giá tình hình thực hiện các Dự án có tổng mức vốn từ nhóm B trở lên

BẢNG SỐ 2: TÌNH HÌNH THỰC HIỆN ĐẦU TƯ CỦA DOANH NGHIỆP

TT	Tên dự án	Tổng vốn đầu tư (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Vốn vay (tỷ đồng)	Vốn khác Vốn góp của NLĐ (tỷ đồng)	Tổng giá trị thực hiện tính đến thời điểm báo cáo (tỷ đồng)	Thời gian thực hiện dự án (từ năm ... đến năm...)
Doanh nghiệp không đầu tư các dự án nhóm B							

2. Các khoản đầu tư tài chính: Không.

III. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY

Đánh giá tình hình hoạt động của các công ty mà doanh nghiệp nắm trên 50% VĐL

BẢNG SỐ 3: TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ VÀ SẢN XUẤT KINH DOANH TẠI CÁC CÔNG TY CON DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI

TT	Tên doanh nghiệp	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tổng vốn đầu tư của công ty mẹ (tỷ đồng)	Tổng tài sản (tỷ đồng)	Doanh thu (tỷ đồng)	Lợi nhuận trước thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Lợi nhuận nộp về công ty mẹ	Thuế và các khoản đã nộp Nhà nước (tỷ đồng)	Tổng nợ phải trả (tỷ đồng)
Doanh nghiệp không có công ty con										

Nơi nhận:

- UBND tỉnh TT Huế (để b/c);
- Cổng thông tin doanh nghiệp - Bộ KH & ĐT;
- Cổng thông tin điện tử tỉnh TT Huế;
- Lưu VT.



CHỦ TỊCH CÔNG TY

Tôn Thất Ai Tín